

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT ĐÔNG MAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

Tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

1. Ông Lê Văn... Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2023)
2. Ông Nguyễn Quang Dũng... Giám đốc (Mãn nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2023)

Nguồn tài liệu được tham khảo

Họ và tên đại diện pháp luật của Công ty trong năm và cho mỗi ngày lập báo cáo này

1. Ông Nguyễn Quang Dũng... Giám đốc (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 10 tháng 11 năm 2023)
2. Ông Lê Văn... Giám đốc (Từ ngày 10 tháng 11 năm 2023 đến ngày lập báo cáo)

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty đã thực hiện tập hợp các tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ, chi nhánh tài chính kế toán đúng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đánh giá các rủi ro, và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Xác định các khoản chi phí liên quan thích hợp đã được liệt kê đầy đủ, nhưng, có những áp dụng sai lệch thông tin kế toán, chi phí và giải thích trong Báo cáo tài chính tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán và hoạt động liên tục tự tương hợp thông tin cho rằng Công ty có khả năng hoạt động kinh doanh;
- Trình bày các khoản nợ và nợ phải trả một cách đầy đủ, chi tiết, đúng đắn và trình bày báo cáo tài chính hợp lý và trung thực nhất có thể.

Giám đốc Công ty đã thực hiện nhiệm vụ đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ một điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán ngành nghề Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo tính an toàn của tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ông Lê Văn... tuyên bố rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính


Lê Văn...
Ngày 23 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Đông Mai (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|--------------------------|----------|
| 1. Ông Nguyễn Quang Dũng | Chủ tịch |
| 2. Ông Vũ Trọng Giáp | Ủy viên |
| 3. Ông Shunjiro Suga | Ủy viên |
| 4. Bà Đào Thị Xuyên | Ủy viên |
| 5. Ông Phạm Văn Phú | Ủy viên |

Giám đốc

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Ông Vũ Tế Vị | Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2023) |
| 2. Ông Nguyễn Quang Dũng | Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2023) |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này:

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Quang Dũng | Giám đốc (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 10 tháng 11 năm 2023) |
| 2. Ông Vũ Tế Vị | Giám đốc (Từ ngày 10 tháng 11 năm 2023 đến ngày lập báo cáo) |

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Vũ Tế Vị
Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2024

Số: 032503/2024/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Đông Mai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Đông Mai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024, từ trang 4 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2023-072-1
Ngày 25 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2023-072-1

77
KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		180.592.922.859	95.553.482.025
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.036.183.114	1.786.435.483
1. Tiền	111	V.1	3.036.183.114	1.786.435.483
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	20.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.312.485.768	31.849.491.439
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	16.104.708.774	41.725.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.614.115.153	19.471.557.359
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	43.447.025.589	12.336.209.080
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.146.636.252	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	95.229.682.549	55.323.246.109
1. Hàng tồn kho	141		95.229.682.549	55.323.246.109
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.571.428	1.594.308.994
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	14.571.428	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.227.892.550
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	-	366.416.444
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		145.789.463.431	127.192.976.268
I. Tài sản cố định	220		126.883.469.007	124.886.899.086
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	126.883.469.007	124.886.899.086
- Nguyên giá	222		567.848.819.952	520.465.539.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(440.965.350.945)	(395.578.640.732)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		201.400.000	201.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(201.400.000)	(201.400.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.921.752.097	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		15.921.752.097	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.984.242.327	2.306.077.182
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.984.242.327	2.306.077.182
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		326.382.386.290	222.746.458.293

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		276.919.787.402	175.797.712.660
I. Nợ ngắn hạn	310		171.955.777.954	65.833.703.212
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	83.792.578.786	34.187.190.240
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	7.500.618.790
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	78.725.727.127	17.253.100.629
4. Phải trả người lao động	314		7.616.240.077	6.106.460.736
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.044.991.537	245.536.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	776.240.427	540.796.817
II. Nợ dài hạn	330		104.964.009.448	109.964.009.448
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	29.364.009.448	29.364.009.448
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	75.600.000.000	80.600.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.462.598.888	46.948.745.633
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	49.462.598.888	46.948.745.633
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.541.728.470	6.541.728.470
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.920.870.418	20.407.017.163
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		18.207.017.163	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.713.853.255	20.407.017.163
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		326.387.586.290	222.746.458.293


 Trần Thị Thu Hương
 Người lập biểu



 Trần Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng



 Vũ Tế Vỹ
 Giám đốc
 Ngày 25 tháng 03 năm 2024


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	645.006.736.784	597.412.777.906
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	33.537.053	69.083.147
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	644.973.199.731	597.343.694.759
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	631.390.665.514	566.211.496.366
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.582.534.217	31.132.198.393
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.077.538.711	1.094.355.666
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	376.885.524	363.574.726
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		190.626.024	177.982.341
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.484.673.833	7.256.708.533
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.798.513.571	24.606.270.800
10. Thu nhập khác	31	VI.6	2.058.176.154	2.040.304.562
11. Chi phí khác	32	VI.7	3.595.415.842	1.089.441.918
12. Lợi nhuận khác	40		(1.537.239.688)	950.862.644
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.261.273.883	25.557.133.444
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.547.420.628	5.150.116.281
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.713.853.255	20.407.017.163
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.357	10.104
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	2.357	10.104


Trần Thị Thu Hương
Người lập biểu



Trần Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Vũ Tế Vỹ
Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	6.261.273.883	25.557.133.444
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	49.976.347.660	50.219.066.405
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.408.775.140)	(818.864.709)
Chi phí lãi vay	06	190.626.024	177.982.341
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	54.019.472.427	75.135.317.481
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(29.012.277.429)	1.967.488.603
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(39.906.436.440)	(21.402.495.175)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	109.524.770.395	(11.900.870.216)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(692.736.573)	1.022.299.444
Tiền lãi vay đã trả	14	(190.626.024)	(177.982.341)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.150.116.281)	(495.300.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	88.592.050.075	44.148.457.074
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(68.065.923.735)	(3.610.012.750)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	502.490.486	63.636.364
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(50.000.000.000)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	35.000.000.000	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.221.130.805	669.463.595
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(80.342.302.444)	(7.876.912.791)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	11.311.829.878	125.608.451.847
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(16.311.829.878)	(179.441.883.887)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.000.000.000)	(1.965.647.907)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.000.000.000)	(55.799.079.947)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.249.747.631	(19.527.535.664)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.786.435.483	21.313.971.147
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.036.183.114	1.786.435.483


 Trần Thị Thu Hương
 Người lập biểu


 Trần Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng




 Vũ Tế Vỹ
 Giám đốc
 Ngày 25 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia và nước Giải khát Đông Mai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5701355306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04 tháng 01 năm 2010. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 ngày 10 tháng 11 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 2.000.000 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là:

- Chưng, tinh cất pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất rượu vang;
- Sản xuất nước khoáng và nước tinh khiết đóng chai;
- Sản xuất đồ uống không cồn;
- Sản xuất nước đá;
- Bán buôn đồ uống có cồn và không có cồn;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng ;
- Khách sạn, nhà hàng, quán ăn và dịch vụ ăn uống khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 183 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 189 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc thiết bị	3,5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
Tài sản khác	04 năm

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	82.737.152	370.868.817
Tiền gửi ngân hàng	2.953.445.962	1.415.566.666
Cộng	3.036.183.114	1.786.435.483

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	20.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	20.000.000.000	5.000.000.000

(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN Quảng Ninh với lãi suất 5,2%/năm.

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải Khát Hạ Long	16.086.108.774	-
Công ty TNHH Bionu Việt Nam	18.600.000	37.500.000
Công ty Cổ Phần Thông Quảng Ninh	-	4.225.000
Cộng	16.104.708.774	41.725.000
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	16.086.108.774	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Máy Thái Dương	671.800.000	671.800.000
KHS ASIA PTE LTD	406.581.099	140.236.556
Công Ty TNHH Xây dựng 1268	281.002.174	-
BOORTMALT UK	-	4.038.755.000
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	-	10.715.381.145
Công ty CP Nồi hơi Việt Nam	-	2.026.200.000
Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	254.731.880	1.879.184.658
Cộng	1.614.115.153	19.471.557.359

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ký cược, ký quỹ	42.110.737.435	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	31.156.492.090	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	10.904.245.345	-
- Các khoản khác	50.000.000	-
Tạm ứng	541.710.000	759.710.000
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	315.817.059	143.592.094
Phải thu khác	478.761.095	11.432.906.986
Cộng	43.447.025.589	12.336.209.080

Gồm các hợp đồng cầm cố tiền gửi tại Ngân hàng để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán L/C phát sinh từ đơn đề nghị phát hành thư tín dụng của Công ty, cụ thể:

- (i) Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 23/2023/HĐBĐ/NHCT30005 ngày 02 tháng 03 năm 2023, tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Ninh, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, số tiền 20.000.000.000 đồng, lãi suất 6%/năm, kỳ hạn 3 tháng. Tại ngày 31/12/2023, giá trị của tài sản cầm cố là 20.776.166.283 đồng.

Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 28/2023/HĐBĐ/NHCT30005 ngày 22 tháng 03 năm 2023, tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Ninh, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, số tiền 10.000.000.000 đồng, lãi suất 6%/năm, kỳ hạn 3 tháng. Tại ngày 31/12/2023, giá trị của tài sản cầm cố là 10.380.325.807 đồng.

- (ii) Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2021/2307948 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, số tiền 10.000.000.000 đồng, lãi suất 3,5%/năm, kỳ hạn 3 tháng. Tại ngày 31/12/2023, giá trị của tài sản cầm cố là 10.904.245.345 đồng.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	50.513.260.500	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	26.525.167.851	-	38.077.453.288	-
Công cụ, dụng cụ	245.493.457	-	270.653.791	-
Thành phẩm	17.945.760.741	-	16.395.084.903	-
Giá mua hàng hóa	-	-	580.054.127	-
Cộng	95.229.682.549	-	55.323.246.109	-

7. Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.571.428	-
Cộng	14.571.428	-
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	-
Chi phí sửa chữa	1.939.099.044	2.233.139.821
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.045.143.283	72.937.361
Cộng	2.984.242.327	2.306.077.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	39.670.469.965	474.400.962.654	2.412.461.754	3.981.645.445	-	520.465.539.818
Mua trong năm	10.928.364.161	40.423.098.565	-	-	244.190.010	51.595.652.736
Đầu tư XDCB hoàn thành	548.518.902	-	-	-	-	548.518.902
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.760.891.504)	-	-	-	(4.760.891.504)
Phân loại lại	(6.346.552.201)	6.891.181.331	(797.783.636)	253.154.506	-	-
Số dư cuối năm	44.800.800.827	516.954.351.046	1.614.678.118	4.234.799.951	244.190.010	567.848.819.952
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	34.041.071.027	355.919.048.520	1.636.875.740	3.981.645.445	-	395.578.640.732
Khấu hao trong năm	274.903.854	49.525.110.466	-	-	176.333.340	49.976.347.660
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.589.637.447)	-	-	-	(4.589.637.447)
Phân loại lại	298.720.021	(428.468.423)	(22.197.622)	151.946.024	-	-
Số dư cuối năm	34.614.694.902	400.426.053.116	1.614.678.118	4.133.591.469	176.333.340	440.965.350.945
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	5.629.398.938	118.481.914.134	775.586.014	-	-	124.886.899.086
Tại ngày cuối năm	10.186.105.925	116.528.297.930	-	101.208.482	67.856.670	126.883.469.007

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 348.776.318.397 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 260.692.228.967 đồng).

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính có nguyên giá 201.400.000 đồng, đã khấu hao hết trước ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 201.400.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 201.400.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Chi nhánh Công ty TNHH Asia Packaging Industries Việt Nam tại miền Bắc	28.522.191.446	28.522.191.446	19.956.759.438	19.956.759.438
Boortmalt UK	21.225.118.500	21.225.118.500	-	-
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	12.445.123.075	12.445.123.075	-	-
Công ty LD TNHH Crown Hà Nội	9.846.205.374	9.846.205.374	2.089.982.965	2.089.982.965
Đối tượng khác	11.753.940.391	11.753.940.391	12.140.447.837	12.140.447.837
Cộng	83.792.578.786	83.792.578.786	34.187.190.240	34.187.190.240

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm		Số đã thực nộp/bù trừ trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm VND	Giá trị VND	Số đầu năm VND
a. Các khoản phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	-	-	198.751.188	198.751.188	-	198.751.188
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	-	-	167.665.256	167.665.256	-	167.665.256
Cộng	-	-	366.416.444	366.416.444	-	366.416.444
b. Các khoản phải trả						
Thuế giá trị gia tăng	11.311.833.475	113.950.651.377	102.638.817.902	102.638.817.902	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	65.702.574.955	499.925.477.353	445.530.337.578	445.530.337.578	11.307.435.180	11.307.435.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.547.420.628	1.547.420.628	5.150.116.281	5.150.116.281	5.150.116.281	5.150.116.281
Thuế thu nhập cá nhân	140.813.282	837.290.485	1.481.591.171	1.481.591.171	785.113.968	785.113.968
Thuế tài nguyên	23.084.787	479.934.615	467.285.028	467.285.028	10.435.200	10.435.200
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	236.854.247	236.854.247	236.854.247	-	-
Cộng	78.725.727.127	616.977.628.705	555.505.002.207	555.505.002.207	17.253.100.629	17.253.100.629

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Phải trả khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	42.653.675	2.513.240
Bảo hiểm xã hội	10.888.702	15.158.723
Bảo hiểm y tế	-	1.790.130
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	722.698.050	521.334.724
Cộng	776.240.427	540.796.817
b) Dài hạn		
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (i)	29.303.539.448	29.303.539.448
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	60.470.000	60.470.000
Cộng	29.364.009.448	29.364.009.448
Phải trả khác dài hạn là bên liên quan	29.303.539.448	29.303.539.448

(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)

- (i) Khoản chênh lệch giữa giá trị nguồn vốn trước khi chuyển đổi của Công ty CP Bia và NGK Hạ Long tại chi nhánh Đông Mai và vốn góp thực tế tại Công ty CP Bia và NGK Đông Mai, theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp chi nhánh Đông Mai tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2009, Công ty CP Bia và NGK Hạ Long góp vốn 19,8 tỷ đồng thành lập công ty Đông Mai. Phần còn lại 58.543.881.593 đồng Công ty CP Bia và NGK Đông Mai phải trả cho Công ty CP Bia và NGK Hạ Long. Khoản phải trả này không bị tính phí sử dụng và có thời gian hoàn trả không quá 10 năm từ ngày Công ty CP Bia và NGK Đông Mai chính thức được thành lập.

Theo Nghị Quyết Số 262B/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty CP Bia và NGK Hạ Long ngày 31 tháng 10 năm 2019 về việc gia hạn thời gian thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khoản phải trả này là 10 năm kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 và không tính lãi, không tính phí sử dụng trong khoảng thời gian gia hạn. Đến thời điểm ngày 31/12/2023, Công ty CP Bia và NGK Đông Mai đã hoàn trả lại cho Công ty CP Bia và NGK Hạ Long số tiền 29.240.342.145 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vay và nợ thuế tài chính

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	-	-	11.311.829.878	11.311.829.878	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hạ Long	-	-	11.311.829.878	11.311.829.878	-	-
b) Vay dài hạn	75.600.000.000	75.600.000.000	-	5.000.000.000	80.600.000.000	80.600.000.000
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (i)	75.600.000.000	75.600.000.000	-	5.000.000.000	80.600.000.000	80.600.000.000
Tổng	75.600.000.000	75.600.000.000	11.311.829.878	16.311.829.878	80.600.000.000	80.600.000.000
	75.600.000.000	75.600.000.000			80.600.000.000	80.600.000.000

Vay ngắn hạn và dài hạn là bên liên quan

(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)

(i) Gồm các Hợp đồng vay trong năm 2020 và năm 2021 với Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long, thời gian cho vay là 10 năm, với lãi suất 0%/năm, mục đích vay để đầu tư nâng cấp, hoàn thiện nhà máy sản xuất Bia.

14. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	6.541.728.470	1.965.647.907	28.507.376.377
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	20.407.017.163	20.407.017.163
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Trả cổ tức trong năm	-	-	(1.965.647.907)	(1.965.647.907)
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	6.541.728.470	20.407.017.163	46.948.745.633
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	4.713.853.255	4.713.853.255
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Trả cổ tức trong năm (i)	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	6.541.728.470	22.920.870.418	49.462.598.888

(i) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 05/NQ-DHĐCĐ ngày 25/4/2023 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long	19.800.000.000	19.800.000.000
Các cá nhân khác	200.000.000	200.000.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

15. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là bia và nước giải khát và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán bia thành phẩm các loại	645.006.736.784	597.412.777.906
Cộng	645.006.736.784	597.412.777.906
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	33.537.053	69.083.147
Cộng	33.537.053	69.083.147
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	644.973.199.731	597.343.694.759
Doanh thu thuần với bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	640.976.101.039	597.343.694.759

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán bia thành phẩm các loại	631.390.665.514	566.211.496.366
Cộng	631.390.665.514	566.211.496.366

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.077.538.711	755.228.345
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	339.127.321
Cộng	2.077.538.711	1.094.355.666

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	190.626.024	177.982.341
Chi phí chênh lệch tỷ giá	186.259.500	185.592.385
Cộng	376.885.524	363.574.726

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	4.939.258.169	3.941.466.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	528.908.290	595.798.022
Chi phí bằng tiền khác	2.016.507.374	2.719.444.351
Cộng	7.484.673.833	7.256.708.533

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	331.236.429	63.636.364
Thu bán điện	530.930.102	542.594.005
Thu bán nguyên vật liệu	681.966.864	557.391.447
Các khoản khác	514.042.759	876.682.746
Cộng	2.058.176.154	2.040.304.562

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán điện	530.930.102	542.594.005
Xuất hủy do hàng bán bị trả về	144.183.220	388.200.794
Thuế bị truy thu, phạt vi phạm hành chính	1.475.829.259	-
Các khoản khác	1.444.473.261	158.647.119
Cộng	3.595.415.842	1.089.441.918

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	6.261.273.883	25.557.133.444
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.475.829.259	193.447.960
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	1.475.829.259	193.447.960
Thu nhập tính thuế	7.737.103.142	25.750.581.404
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	1.547.420.628	5.150.116.281
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.547.420.628</u>	<u>5.150.116.281</u>

9. Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.713.853.255	20.407.017.163
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	200.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>4.713.853.255</u>	<u>20.207.017.163</u>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.357</u>	<u>10.104</u>

- (i) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2022 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 25 tháng 04 năm 2023.

Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 04 năm 2023 của Công ty như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.407.017.163		20.407.017.163
Các khoản điều chỉnh giảm	-	200.000.000	(200.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	200.000.000	(200.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>20.407.017.163</u>	<u>(200.000.000)</u>	<u>20.207.017.163</u>
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	2.000.000		2.000.000
Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>10.204</u>	<u>100</u>	<u>10.104</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	542.448.005.907	467.152.037.831
Chi phí nhân công	37.091.931.269	36.597.148.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.467.711.305	50.219.066.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	10.418.366.704	27.677.361.651
Cộng	<u>640.426.015.185</u>	<u>581.645.613.906</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long	Công ty mẹ

Giao dịch với bên liên quan trong năm:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long		
Doanh thu bán hàng hóa	640.976.101.039	597.343.694.759
Doanh thu bán điện	530.930.102	542.594.005
Cộng	641.507.031.141	597.886.288.764

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long	16.086.108.774	-
Cộng	16.086.108.774	-
Phải trả khác dài hạn		
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long	29.303.539.448	29.303.539.448
Cộng	29.303.539.448	29.303.539.448
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long	-	7.500.375.000
Cộng	-	7.500.375.000
Vay và nợ thuê tài chính		
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long	75.600.000.000	80.600.000.000
Cộng	75.600.000.000	80.600.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Giám đốc trong năm:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Hội đồng Quản trị		
1. Ông Vũ Trọng Giáp	12.300.000	12.000.000
2. Bà Đào Thị Xuyên	12.300.000	12.000.000
3. Ông Phạm Văn Phú	12.000.000	12.000.000
Giám đốc		
1. Ông Nguyễn Quang Dũng	1.412.002.934	833.831.154
2. Vũ Tế Vị	1.610.367.208	-
Cộng	3.058.970.142	869.831.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.



Trần Thị Thu Hương
Người lập biểu



Trần Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Vũ Tế Vị
Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2024